

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHƯỚC  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **01/2023/DS-ST**

Ngày 06-01-2023

V/v “tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thạch Hải Âu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hoàng Trung.

2. Ông Huỳnh Tấn Trãi.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Văn Chung –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Vào ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 128/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2022 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Ngân hàng C.**

Địa chỉ: 169 Khu phố LĐ, Phường H, Quận H, Thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông **Dương Quyết T** - Tổng giám đốc Ngân hàng C.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông **Nguyễn Thanh H** – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện T.

Địa chỉ: KP 4, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Văn bản ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng C).

**2. Bị đơn:**

- Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Ông **Lê Văn K**, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: Ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- **Lê Đại C**, sinh năm 2007;

- **Lê Ánh N**, sinh năm 2015.

Cùng cư trú: Ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Bà M đại diện cho hai cháu C và N theo Bản án số 33/2021/HNGĐ-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang)

*(Ông H, bà M có mặt tại phiên tòa; Ông K có đơn xin xét xử vắng mặt)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 04/7/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Thanh H là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng C trình bày:**

Phòng Giao dịch Ngân hàng C huyện T có cho hộ bà Nguyễn Thị M (gồm bà M, ông K, cháu C và cháu N) vay 03 khoản vay theo các hợp đồng sau:

+ Hợp đồng số 6000005900090037: Ngày vay 17/11/2011, ngày đến hạn trả nợ 23/11/2021, mục đích vay xây nhà cụm dân cư, lãi suất vay 0,25%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 0,325%/tháng. Sau khi khoản vay đến hạn trả nợ, bà Nguyễn Thị M đã gia hạn trả nợ đến ngày 23/8/2026, trả lãi hàng tháng. Tuy nhiên, bà M, ông K đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả lãi. Tính từ ngày 23/01/2022 đến nay, hộ bà M chỉ đóng lãi được tháng 4/2022 và tháng 11/2022. Hộ bà M đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay nợ. Tính đến ngày 06/01/2023, hộ bà M còn nợ lại nợ gốc là 20.000.000 đồng và nợ lãi là 1.302.138 đồng.

+ Hợp đồng số 6600000717503236: Ngày vay 26/3/2020, ngày đến hạn trả nợ 23/3/2025, mục đích vay nâng cấp công trình nước sạch, hồ xí, lãi suất vay 9%/năm, lãi suất nợ quá hạn 11,7%/năm, định kỳ trả nợ gốc 06 tháng một lần với số tiền 2.200.000 đồng. Sau khi ngân hàng giải ngân, bà M, ông K đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính từ ngày 23/01/2022 đến nay, hộ bà M chỉ đóng lãi được tháng 4/2022 và tháng 11/2022. Hộ bà M đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay nợ. Tính đến ngày 06/01/2023, hộ bà M còn nợ lại nợ gốc là 20.000.000 đồng và nợ lãi là 3.959.415 đồng.

+ Hợp đồng số 6600000717502762: Ngày vay 26/3/2020, ngày đến hạn trả nợ 23/3/2025, mục đích vay trồng khóm, lãi suất vay 8,25%/năm, lãi suất nợ quá hạn 10,725%/năm, định kỳ trả gốc 12 tháng với số tiền 10.000.000 đồng. Sau khi ngân hàng giải ngân, bà M, ông K đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính từ ngày 23/01/2022 đến nay, hộ bà M chỉ đóng lãi được tháng 4/2022 và tháng 11/2022. Còn các khoản nợ lãi trước đây vẫn chưa thanh toán. Hộ bà M đã vi

phạm nghĩa vụ của bên vay nợ. Tính đến ngày 06/01/2023, hộ bà M còn nợ lại nợ gốc là 50.000.000 đồng và nợ lãi là 8.206.697 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc hộ bà M còn nợ là 90.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 06/01/2023 là 13.468.249 đồng.

Nay Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu hộ bà M gồm bà M và ông K phải hoàn trả nợ trước hạn với số nợ gốc của 03 khoản vay là 90.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 06/01/2023 là 13.468.249 đồng.

**\* Tại Đơn xin miễn, giảm án phí, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:**

Những vấn đề của người khởi kiện trình bày, bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C. Tuy nhiên do hiện nay điều kiện khó khăn, bà và ông K đã ly hôn, một mình bà phải nuôi hai con nhỏ còn đang đi học, thu nhập của bà không ổn định nên chưa thanh toán nợ được.

Đối với số tiền nợ gốc, bà M thống nhất trả nợ trước hạn, nhưng xin gia hạn thêm thời gian trả nợ; Đối với các khoản nợ lãi, xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng bao gồm cả lãi đến hạn hàng tháng theo thỏa thuận vay vốn và tổng các khoản lãi còn nợ tính đến ngày 06/01/2023.

**\* Tại Đơn xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử, bị đơn ông Lê Văn K trình bày:**

Ông thống nhất theo ý kiến của bà Nguyễn Thị M. Do bận đi làm nên không tham gia tại Tòa được.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, phần tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị M và ông Lê Văn K phải trả lại nợ gốc và lãi của các khoản vay; Bà M và ông K có nơi cư trú tại Ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về sự vắng mặt của các đương sự:* Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là ông Lê Văn K có đơn đề nghị xét xử vắng. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông K.

[3]. *Về nội dung:* Tại phiên tòa, Ngân hàng C yêu cầu bà Nguyễn Thị M và ông Lê Văn K phải hoàn trả nợ trước hạn với số nợ gốc của 03 khoản vay là 90.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 06/01/2023 là 13.468.249 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ:

[3.1]. Hộ bà Nguyễn Thị M (gồm bà M, ông K, cháu C và cháu N) do bà

Nguyễn Thị M đại diện có vay 03 khoản vay của Ngân hàng C Phòng giao dịch huyện T, theo các hợp đồng:

+ Hợp đồng số 6000005900090037: Ngày vay 17/11/2011, ngày đến hạn trả nợ 23/11/2021, mục đích vay xây nhà cụm dân cư, lãi suất vay 0,25%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 0,325%/tháng. Sau khi khoản vay đến hạn trả nợ, bà Nguyễn Thị M đã gia hạn trả nợ đến ngày 23/8/2026, trả lãi hàng tháng. Tuy nhiên, bà M, ông K đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả lãi. Tính đến ngày 06/01/2023, hộ bà M còn nợ lại nợ gốc là 20.000.000 đồng và nợ lãi là 1.302.138 đồng.

+ Hợp đồng số 6600000717503236: Ngày vay 26/3/2020, ngày đến hạn trả nợ 23/3/2025, mục đích vay nâng cấp công trình nước sạch, hồ xí, lãi suất vay 9%/năm, lãi suất nợ quá hạn 11,7%/năm, định kỳ trả nợ gốc 12 tháng với số tiền là 2.200.000 đồng. Sau khi ngân hàng giải ngân, bà M, ông K đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 06/01/2023, hộ bà M còn nợ lại nợ gốc là 20.000.000 đồng và nợ lãi là 3.959.415 đồng.

+ Hợp đồng số 6600000717502762: Ngày vay 26/3/2020, ngày đến hạn trả nợ 23/3/2025, mục đích vay trồng khóm, lãi suất vay 8,25%/năm, lãi suất nợ quá hạn 10,725%/năm, định kỳ trả nợ gốc 12 tháng với số tiền là 10.000.000 đồng. Sau khi ngân hàng giải ngân, bà M, ông K đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 06/01/2023, hộ bà M còn nợ lại nợ gốc là 50.000.000 đồng và nợ lãi là 8.206.697 đồng.

Việc vay nợ như trên được bà M thừa nhận và thống nhất về nợ gốc, lãi chưa thanh toán cho Ngân hàng C; Ông K có ý kiến thống nhất theo trình bày của bà M tại đơn xin giải quyết vắng mặt.

[3.2]. Theo nội dung của các Giấy đề nghị vay vốn, Sổ lưu Tờ rơi theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ, Sổ vay vốn mà Ngân hàng cung cấp đã được các đương sự tiếp cận công khai thì 03 khoản vay nêu trên chưa đến thời hạn trả nợ cuối cùng. Tuy nhiên, quá trình vay nợ, bà M và ông K đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ của bên vay nợ, cố tình không thanh toán các khoản lãi hàng tháng cho Ngân hàng và không thực hiện gửi tiết kiệm là đã vi phạm thỏa thuận của các bên theo điểm c mục 2.2 quy định về quyền và nghĩa vụ của các bên của Sổ vay vốn nên Ngân hàng C khởi kiện để thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại điểm b Mục 1.1 quy định quyền và nghĩa vụ của các bên trong Sổ vay vốn. Đồng thời, việc ngân hàng khởi kiện thu hồi nợ trước hạn cũng được bà M và ông K thống nhất, đồng ý.

### [3.3]. Về lãi suất:

+ Hợp đồng số 6000005900090037: Ngày gia hạn nợ 23/11/2021, ngày đến hạn trả nợ 23/8/2026, mục đích vay xây nhà cụm dân cư, lãi suất vay 0,25%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 0,325%/tháng. Bà M, ông K không thực hiện đóng lãi nhiều lần, kể từ ngày 23/01/2022 đến nay, hộ bà M chỉ đóng lãi được 02 lần vào tháng 04/2022 và tháng 11/2022. Ngoài ra còn các kì lãi trước đây vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng C. Tính đến ngày 06/01/2023 nợ lãi là 1.302.138 đồng.

+ Hợp đồng số 6600000717503236: Ngày vay 26/3/2020, ngày đến hạn trả nợ 23/3/2025, mục đích vay nâng cấp công trình nước sạch, hồ xí, lãi suất vay 9%/năm, lãi suất nợ quá hạn 11,7%/năm. Bà M, ông K không thực hiện đóng lãi, kể từ ngày 23/01/2022 đến nay, hộ bà M chỉ đóng lãi được 02 lần vào tháng 04/2022 và tháng 11/2022. Ngoài ra còn các kì lãi trước đây vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng C. Tính đến ngày 06/01/2023 nợ lãi là 3.959.415 đồng.

+ Hợp đồng số 6600000717502762: Ngày vay 26/3/2020, ngày đến hạn trả nợ 23/3/2025, mục đích vay trồng khóm, lãi suất vay 8,25%/năm, lãi suất nợ quá hạn 10,725%/năm. Bà M, ông K không thực hiện đóng lãi, kể từ ngày 23/01/2022 đến nay, hộ bà M chỉ đóng lãi được 02 lần vào tháng 04/2022 và tháng 11/2022. Ngoài ra còn các kì lãi trước đây vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng C. Tính đến ngày 06/01/2023 nợ lãi là 8.206.697 đồng.

[3.4]. *Về nghĩa vụ trả nợ*: Theo quy định của Ngân hàng C thì đối tượng được Ngân hàng cho vay vốn là hộ gia đình, chứ không phải cá nhân cụ thể, nên các thành viên trong hộ cùng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ giao trả. Hộ bà Nguyễn Thị M gồm có 04 nhân khẩu là: Nguyễn Thị M, Lê Văn K, Lê Đại C và Lê Ánh N. Hai cháu Lê Đại C và Lê Ánh N chưa đủ 18 tuổi, hiện do bà Nguyễn Thị M là người đại diện hợp pháp theo nội dung của bản án số 53/2021/HNGĐ-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước.

Ngày 26/4/2018, ông Lê Văn K có lập Giấy ủy quyền cho bà Nguyễn Thị M đại diện hộ thực hiện các khoản vay, Giấy xác nhận được Ủy ban nhân dân xã T xác nhận. Hiện tại bà M và ông K đã ly hôn theo bản án số 53/2021/HNGĐ-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước. Tuy nhiên, các khoản vay này được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân nên bà M và ông K, cháu C, cháu N (Bà M đại diện cho hai cháu C, N) phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.5]. *Về phương thức trả nợ*: Tại phiên tòa đại diện của nguyên đơn yêu cầu trả nợ ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn bà M xin gia hạn thêm thời gian trả nợ; Đối với các khoản nợ lãi, xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng bao gồm cả lãi đến hạn hàng tháng theo thỏa thuận vay vốn và tổng các khoản lãi còn nợ tính đến ngày 06/01/2023.

Hội đồng xét xử xét thấy hộ bà M đã vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu hộ bà M thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nhưng hộ bà M vẫn không thực hiện gây thiệt thòi quyền lợi cho Ngân hàng. Vì vậy Hội đồng xét xử cần thiết buộc hộ bà M phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng C tổng số tiền vốn vay là 90.000.000 đồng và tổng số tiền lãi là 13.468.249 đồng theo thời gian yêu cầu của Ngân hàng C là phù hợp theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.

[4]. *Về án phí*: Ngân hàng C huyện T không phải nộp tạm ứng án phí, chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Lê Thị M và ông Lê Văn K phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.173.412 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và quy định tại

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Tuy nhiên, hiện nay hộ bà M, ông K đang có hoàn cảnh khó khăn theo xác nhận ngày 09/11/2022 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang và bà M, ông K có đơn xin miễn, giảm án phí. Căn cứ quy định tại Điều 13 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, Hội đồng xét xử xem xét giảm 50% án phí cho bà M, ông K.

[5]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Căn cứ vào:**

- Các Điều 288, 463, 466, 467, 468 của Bộ luật dân sự;
- Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 266, 267, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điểm c Khoản 1 Điều 11, Điều 13 và Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C.

Buộc hộ bà Nguyễn Thị M gồm: Bà Nguyễn Thị M, ông Lê Văn K, cháu Lê Đại C và Lê Ánh N (bà M là người đại diện cho hai cháu C, N) phải liên đới trả cho ông Ngân hàng C số tiền vốn là 90.000.000 đồng và tiền lãi là 13.468.249 đồng, tổng cộng là **103.468.249 đồng** (*Một trăm lẻ ba triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm bốn mươi chín đồng*). Thực hiện nghĩa vụ giao trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên đã thỏa thuận tại các hợp đồng số 6000005900090037, 6600000717503236, 6600000717502762.

### **2. Về án phí:**

Bà Nguyễn Thị M và ông Lê Văn K phải liên đới chịu **2.586.706 đồng** (Hai triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn bảy trăm lẻ sáu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

### **3. Về quyền kháng cáo:**

Ngân hàng C, bà Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án; Ông Lê Văn K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ Tòa án tổng đặt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự:
  - + NĐ: NH C;
  - + BĐ: Bà M, ông K.
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thạch Hải Âu**